

Số: /QĐ-UBND

Văn Yên, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực cạnh trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 04/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung thị trấn Mậu A, giai đoạn 2013-2030 (Khu vực phía Tây cầu Mậu A, nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai);

Căn cứ Văn bản số 1666/UBND-XD ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và tài trợ kinh phí lập quy hoạch Khu thương mại dịch vụ và nhà ở thôn Đại An, xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Văn bản số 947/UBND-XD ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tiếp nhận ý tưởng Quy hoạch chi tiết Khu thương mại dịch vụ và nhà ở thôn Đại An, xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện Văn Yên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết khu vực nút giao nút giao IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Văn bản số 1372/SXD-QHKT ngày 23/6/2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến vào Hồ sơ Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).

Căn cứ báo cáo số 519/BC-BQL ngày 27/6/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện về tiếp thu và giải trình hoàn thiện hồ sơ Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực cạnh trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai)

Xét đề nghị của của Trường phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo số 162/BCTĐ-KTHT ngày 19/6/2023 về kết quả thẩm định Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực cạnh trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực cạnh trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).

2. Vị trí, ranh giới quy hoạch

- Vị trí: Khu vực lập Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nằm ở khu vực trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, thuộc địa giới hành chính xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Ranh giới: Phạm vi ranh giới điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nằm ở khu vực trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc địa giới hành chính xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp khu dân cư và chùa Đại An; Phía Nam giáp đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và khu dân cư; Phía Đông giáp sông Hồng; Phía Tây giáp đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

3. Quy mô

- Quy mô diện tích lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khoảng 205.825,0m² (20,58 ha);

- Quy mô dân số khoảng 1.500 người.

4. Tính chất

Là khu thương mại dịch vụ và nhà ở được xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, đưa thị trấn Mậu A trở thành đô thị loại IV vào năm 2025 theo chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái, đáp ứng nhu cầu ở và sinh hoạt của nhân dân khu vực thị trấn Mậu A và vùng phụ cận.

5. Quy hoạch sử dụng đất

a) Sử dụng đất đã phê duyệt:

(Tại Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân huyện Văn Yên).

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)
1	Đất văn hóa	1.000	0,49	60	2
2	Đất thương mại - dịch vụ	45.480	22,10	60	3
3	Đất trụ sở cơ quan	2.384	1,16	40	3
4	Đất ở	50.080	24,33		
-	Đất ở ổn định	18.230	8,86	80	3
-	Đất ở quy hoạch mới	31.850	15,47	80	4
5	Đất cây xanh	18.450	8,96	-	-

6	Đất lâm nghiệp	12.000	5,83	-	-
7	Đất giao thông, HTKT khác	76.431	37,13	-	-
	Tổng diện tích	205.825	100,00		

Tổng diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ: 20,58 ha.

b) Sử dụng đất điều chỉnh, bổ sung:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh:

Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng	Tầng cao tối đa
		(m ²)	(%)	(%)	(Tầng)
1	Đất ở	67.198,81	32,65		
1,1	<i>Đất ở hỗn hợp</i>	<i>6.169,52</i>	<i>3,00</i>	<i>85</i>	<i>4</i>
1,2	<i>Đất ở liền kề</i>	<i>30.183,90</i>	<i>14,66</i>	<i>90</i>	<i>5</i>
1,3	<i>Đất ở biệt thự</i>	<i>9.814,50</i>	<i>4,77</i>	<i>70</i>	<i>3</i>
1,4	<i>Đất ở tái định cư</i>	<i>1.037,50</i>	<i>0,50</i>	<i>70</i>	<i>3</i>
1,5	<i>Đất ở hiện trạng ổn định</i>	<i>3.068,82</i>	<i>1,49</i>	<i>90</i>	<i>4</i>
2	Đất trường mầm non	990,40	0,48	40	3
3	Đất văn hóa	1.847,45	0,90	40	1
	<i>Đất nhà văn hóa thôn Công Trào</i>	<i>1.172,53</i>	<i>0,57</i>	<i>40</i>	<i>1</i>
	<i>Đất nhà văn hóa thôn Đại An</i>	<i>674,92</i>	<i>0,33</i>	<i>40</i>	<i>1</i>
4	Đất thương mại dịch vụ	8.402,68	4,08	60	9
5	Đất thể dục thể thao	1.285,98	0,62	-	-
6	Đất cây xanh	38.206,20	18,56	-	-
7	Đất cây xanh chuyên đề	397,43	0,98	-	-
8	Đất HTKT đầu mối	406,06	0,19	40	1
9	Đất giao thông, HTKT khác	87.089,99	42,31	-	-
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>66.472,92</i>	<i>32,30</i>	-	-

-	<i>Bãi đỗ xe</i>	3.677,69	1,79	-	-
-	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	16.939,38	8,23	-	-
	Tổng	205.825,00	100,00	-	-

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Tổ chức thành các nhóm nhà ở, phù hợp với tập quán sinh hoạt của người dân, liên kết với nhau bởi hệ thống giao thông liên hoàn và các công trình công cộng, dịch vụ thương mại.

- Công trình văn hóa, dịch vụ thương mại được tổ chức liên kết trực tiếp với các tuyến đường chính để tạo cảnh quan kiến trúc cho các trục đường này và có hướng tiếp cận, hướng nhìn từ đường tỉnh 166, đường tỉnh 175 và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai;

- Tại các góc giao của các tuyến đường chính trong khu tổ chức có tính chất công cộng hỗn hợp, thương mại dịch vụ kết hợp với không gian mở đón các hướng nhìn từ các trục đường này, tạo thành công trình điểm nhấn cho toàn khu.

- Tổ chức cảnh quan đảm bảo vận hành thuận lợi cho khu thương mại dịch vụ và nhà ở, xây dựng mô hình dân cư hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và phù hợp với văn hóa của địa phương.

7. Thiết kế đô thị

- Chiều cao công trình đảm bảo hài hòa với địa hình tự nhiên và thống nhất với công trình lân cận theo từng khu chức năng.

- Khoảng lùi công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu đã được quy định theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất trên các tuyến phố.

- Trong khu vực quy hoạch loại hình nhà ở liền kề, khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu là 1,5 m; khoảng lùi sau tối thiểu 1,0 m; khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu từ 0,0 m ÷ 1,5 m.

- Nhà ở liền kề khu vực bán đấu giá khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu là 0,0 m; khoảng lùi sau tối thiểu từ 1,75 ÷ 3,5m; khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu là 0,0 m. Khuyến khích các lô góc ghép lô, xây dựng loại hình biệt thự, nhà vườn tạo điểm nhấn cảnh quan đô thị và tạo trường nhìn rộng cho các nút giao thông khu vực bờ sông.

- Loại hình nhà ở biệt thự khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 3,0 m; khoảng lùi sau tối thiểu 1,0 m, khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 1,5 m.

- Loại hình nhà ở hỗn hợp khoảng lùi trước phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 1,5 m; khoảng lùi sau tối thiểu 1,0 m, khoảng lùi biên phía tiếp giáp đường giao thông tối thiểu 1,5 m.

- Cây xanh đường phố: Sử dụng cây xanh cách ồn, có tán cao để che mát và phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng của vùng. Khu vực cây xanh công viên sử

dụng cây khóm bụi kết hợp với cây bóng mát có tán rộng và cao đảm bảo diện che phủ lớn và có tính thẩm mỹ.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch san nền

- Cao độ nền xây dựng của khu vực nghiên cứu được xác định dựa trên cơ sở đề án quy hoạch chung đã được phê duyệt và khống chế bởi cao độ của các tuyến giao thông ngoài khu vực: đường tỉnh 175, đường tỉnh 166 và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Đảm bảo cho các khu vực xây dựng không bị ngập úng cục bộ.

- Công trình công cộng dự kiến chỉ san gạt mặt bằng lớn khi xây dựng với quy mô lớn.

- Các điểm khống chế cao độ được xác định tại vị trí các điểm giao cắt tim của các tuyến đường giao thông thành phố và khu vực. Cao độ này được tính toán trên cơ sở đảm bảo yêu cầu bố trí hệ thống thoát nước, đồng thời cũng xem xét đến cao độ nền của các khu vực dân cư hiện có, các khu vực xây dựng trước đây nhằm hạn chế sự chênh lệch cao độ hiện trạng và cao độ khu vực theo thiết kế, tránh gây úng ngập cục bộ.

- Cao độ tim đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở cao độ đã khống chế, quy hoạch mạng lưới cống thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống.

- Tính toán khối lượng san nền theo phương pháp lưới ô vuông.

- Tính toán các độ tự nhiên tại các điểm nút lưới ô vuông theo phương pháp nội suy dựa vào cao độ địa hình hiện trạng theo bản đồ khảo sát, đo đạc địa hình.

8.2. Quy hoạch giao thông

Các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật phải tuân theo Đề án quy hoạch chung thị trấn Mậu A; Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 21/06/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên về việc Phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với Quy chuẩn quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng được ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

a) Giao thông đối ngoại

- Khu vực quy hoạch có trục đường Tỉnh 166 và đường Tỉnh 175 được nâng cấp mở rộng $B_n = 10,5 \text{ m} + 5,0 \text{ m} \times 2 = 20,5 \text{ m}$;

- Đường dẫn vào đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai giữ nguyên hiện trạng, $B_n = 27,0 \text{ m}$; mặt đường 21 m, lề đường 6,0 m.

b) Giao thông đối nội

- Quy hoạch đường chính đô thị (*khu bán đầu giá*) có nền $B_n = 15,0 \text{ m} + 5 \text{ m} \times 2 = 25,0 \text{ m}$.

- Đường chính đô thị (*khu quy hoạch mới*) có nền $B_n = 7,5 \text{ m} \times 2 + 2,0 \text{ m}$ (giải phân cách) + $5 \text{ m} \times 2 = 27,0 \text{ m}$ giải phân cách cố định.
- Đường khu vực (*thôn Cổng Trào*) có nền $B_n = 7,5 \text{ m} + 5,0 \text{ m} \times 2 = 17,5 \text{ m}$.
- Mạng lưới đường giao thông nội bộ được thiết kế theo dạng ô cờ, đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng, tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, tạo điều kiện sử dụng hiệu quả nhất cho các khu chức năng. Quy mô đường nội bộ có nền $B_n = 7,5 \text{ m} + 3 \text{ m} \times 2 = 13,5 \text{ m}$;
- Đường nhóm nhà ở (*khu vực thôn Đại An*) có nền $B_n = 7,5 \text{ m} + 3,0 \text{ m} + 2,0 \text{ m} = 12,0 \text{ m}$ (mặt đường 7,5 m; hành lang 5,0 m).
- Đường xe đạp (*thôn Cổng Trào*) có nền $B_n = 3,0 \text{ m} + 1,0 \text{ m} \times 2 = 5,0 \text{ m}$.
- Bãi đỗ xe bố trí trên trục đường chính, tại khu công viên cây xanh, đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư trong khu vực.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Lưu vực thoát nước cho toàn khu vực hướng về sông Hồng, nước được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép và thoát ra sông Hồng. Trong khu vực điều chỉnh quy hoạch với 01 lưu vực thoát nước là Sông Hồng, được chia làm 2 khu vực thoát nước. Khu vực thôn Cổng Trào và khu vực thôn Đại An.
- Sử dụng ga thu nước mưa tại các điểm thu nước mưa trực tiếp.
- Sử dụng ga công tác cho những chỗ ngoặt, giao cắt với các hệ thống khác.

8.4. Quy hoạch cấp nước

- Căn cứ theo quy hoạch chung cấp nước Thị trấn Mậu A giai đoạn 2013 đến 2030; Nguồn nước cấp cho khu đô thị là từ nhà máy nước thị trấn Mậu A với công suất 2.000 m³ ng/đ khu vực nghiên cứu được cấp nước từ đường ống cấp 1 như sau: Nước cấp cho khu vực thiết kế sẽ được lấy từ các điểm đầu nối mạng lưới cấp nước chính của khu vực D150 với mạng lưới cấp nước cấp 1 của thị trấn Mậu A.
- Tổng nhu cầu dùng nước trong khu vực lập quy hoạch là 523,93 m³/ngđ. Theo thiết kế đường ống cấp nước chính D110 trong khu vực lập quy hoạch được đầu nối từ đường ống cấp nước chính D150 từ thị trấn. Đường ống cấp nước dịch vụ là mạng cung cấp trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D50 ÷ D63.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng nhu cầu nước thải khu vực: 212,27 m³/ngđ.
- Tất cả các công trình phát sinh nước thải đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống cống thoát nước thải riêng.
- Nước thải được thu gom theo hình thức tự chảy theo địa hình thiết kế

chảy về khu xử lý nước thải đặt tại phía Bắc với công suất 220 m³/ngđêm. Toàn bộ nước thải từ nguồn thải được tách riêng thoát theo hệ thống ống nhánh PVC D200, D300 sau đó thu về hệ thống ống chính BTCT D400 dẫn về trạm xử lý nước thải, nước thải sau khi được xử lý được xả ra môi trường đảm bảo theo cột A, QCVN14:2008-BTNMT.

- Trên hệ thống, tại vị trí các đường cống giao nhau và trên các đoạn cống có đặt các giếng thăm thuận tiện cho việc đấu nối từ hệ thống thoát nước trong nhà ra hệ thống thoát nước ngoài nhà, cũng như việc quản lý và vận hành hệ thống thoát nước, khoảng cách giữa các giếng thăm đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống đường ống thoát nước cho phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

b) Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15,18 tấn/ngđ.

- Phân loại chất thải rắn: Để thuận tiện trong thu gom, vận chuyển và tái sử dụng cần tiến hành phân loại chất thải rắn ngay từ nguồn phát thải.

- Khu vực không gian công cộng và dọc các trục phố chính bố trí các thùng chứa CTR khoảng cách 150 m ÷ 200 m/thùng.

- Đối với khu vực nhà ở biệt thự, nhà ở liền kề, nhà phố thương mại: CTR sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay, xe cơ giới theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng chứa kín. Số lượng, vị trí các thùng được tính toán theo bán kính phục vụ khoảng 150m/thùng.

- CTR thu gom theo hình thức không tiếp đất. Các xe thu gom về điểm tập kết vào cuối ngày sau đó bốc trực tiếp lên xe chuyên dụng đưa về khu xử lý chung của khu vực.

- Bố trí 04 điểm tập trung CTR tại khu vực phía Tây Bắc (thôn Cống Trào), phía Tây và phía Tây Nam (thôn Đại An), và phía Đông (khu đất bán đấu giá) để thu gom rác thải về khu xử lý. Bán kính phục vụ không quá 300 m.

8.6. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho khu vực nghiên cứu nằm trong hệ thống cấp điện của tỉnh Yên Bái. Cấp điện cho khu vực xã An Thịnh do trạm 110 kV Văn Yên - E12.21 công suất (2 x 40) MVA- 110kV/35/22KV (vị trí trạm tại xã Ngòi A, huyện Văn Yên).

- Nguồn điện cấp trực tiếp cho khu vực lập điều chỉnh quy hoạch được đấu nối từ tuyến điện trung thế 35kV (ĐZ 371 - E12.21) đi qua khu vực lập quy hoạch. Thông qua các trạm biến áp của khu vực lập quy hoạch và mạng lưới điện 0.4 kV xây dựng theo các tuyến giao thông đến từng công trình.

- Lưới trung thế 35 kV hiện trạng: Giữ nguyên tuyến cáp trung thế 35kV (ĐZ 371 – E12.21) đi Mỏ Vàng. Đoạn qua khu vực lập quy hoạch sẽ được cải

tạo hạ ngầm và nắn chỉnh tuyến theo trục đường giao thông nhằm đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện.

- Lưới 35kV xây dựng mới: Dự kiến xây mới tuyến 35kV đi ngầm theo đường giao thông, đầu nối từ tuyến 35kV (ĐZ 371 - E21.21) hiện trạng qua khu vực quy hoạch cấp điện cho các trạm phân phối trong khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch.

- Lưới trung thế 10 kV hiện trạng: Giữ nguyên tuyến cáp trung thế 10kV (ĐZ 973 - T12.4) Mậu A - Viễn Sơn. Đoạn qua khu vực lập quy hoạch sẽ được hạ ngầm và nắn chỉnh tuyến theo trục đường giao thông nhằm đảm bảo cảnh quan và an toàn lưới điện.

- Tổng Phụ tải điện khu vực lập quy hoạch: 1981 KVA.

- Giữ nguyên trạm biến áp TBA-TĐC, TBA-KĐT, TBA Thu Phí IC14. Quy hoạch mới 3 trạm biến áp, đảm bảo cấp điện an toàn, bền vững cho khu vực.

- Bố trí hệ thống điện sinh hoạt, điện chiếu sáng đô thị bố trí đi ngầm theo hệ thống đường giao thông và khu chức năng quy hoạch.

8.7. Quy hoạch thông tin liên lạc

Xây dựng hệ thống thông tin phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực của dự án. Mạng thông tin của khu dân cư dự trên cơ sở truyền dẫn băng thông rộng với tính năng mở rộng và nâng cấp dễ dàng, hỗ trợ các kiểu truy nhập và các kết nối chuẩn với mạng của nhà cung cấp dịch vụ thông tin.

9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường;

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường còn tồn tại, đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (không gian xanh, hành lang bảo vệ mặt nước, các khu vực hạn chế phát triển, ...).

10. Thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, bao gồm (thuyết minh quy hoạch; hồ sơ bản vẽ quy hoạch).

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, UBND huyện Văn Yên và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

11. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên phê duyệt tại Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 21/6/2018.

(Có thuyết minh đồ án và bản vẽ kèm theo)

Điều 2. Trên cơ sở Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực nút giao IC14 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Khu vực cạnh trạm thu phí IC14, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) được duyệt. Ủy ban nhân dân xã An Thịnh có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện (Chủ đầu tư), đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổ chức công bố công khai quy hoạch theo đúng quy định. Xác định mốc giới quy hoạch ngoài thực địa để các cơ quan, đơn vị, nhân dân trong khu vực biết, tham gia bảo vệ mốc giới và giám sát việc xây dựng các công trình theo quy hoạch.

- Thực hiện công tác quản lý quy hoạch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tài chính - Kế hoạch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Thịnh; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (Chủ đầu tư); Đơn vị tư vấn lập quy hoạch và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, các Phó Chánh VP;
- Trang thông tin điện tử huyện (Phòng VH-TT);
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Hà Đức Anh